

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2019
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Đức Hào

2. Ông Hồ Thái Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐ ST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị L1, năm sinh 1972. Địa chỉ: 53, đường Phan Văn Lại, phường 6, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Trương Thanh L2, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp C, xã Th, huyện V, tỉnh Long An.

Bà L1 có mặt, ông L2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về yêu cầu của nguyên đơn: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 18/7/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông L2; Về con chung: yêu cầu nuôi con chung tên Trương Lý H, sinh ngày 15/10/2002; Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét.

Ông L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên ông L2 không có thể hiện ý kiến.

- Về các tình tiết cụ thể của vụ án được nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Bà và ông L2 tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự tìm hiểu, thời gian tìm hiểu khoảng 04 đến 05 tháng sau đó tổ chức lễ cưới, bà không nhớ ngày tháng mà chỉ nhớ là năm 1989; Năm 2001, bà và ông L2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Th, huyện V, tỉnh Long An; Từ khi cưới nhau bà và ông L2 sống ở ấp X, xã Th, huyện V, tỉnh Long An, đến năm 2008 thì chuyển về ấp C, xã Th, huyện V, tỉnh Long An sinh sống.

Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông L2 không lo xây dựng kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu rồi gây chuyện cãi nhau với bà, ông L2 còn có hành vi bạo lực là đánh đập bà, sự việc kéo dài trong nhiều năm; Bà đã nhiều lần (sáu đến bảy lần) dẫn theo các con về nhà cha mẹ ruột ở Tiền Giang sinh sống nhưng sau đó ông L2 nhận lỗi, hứa sẽ khắc phục và đón bà cùng các con về nhưng khi về chung sống thì ông L2 vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn trầm trọng và bà quyết định ly hôn là vào tháng 8 năm 2017 ông L2 có uống rượu rồi xảy ra mâu thuẫn với người hàng xóm ở cạnh nhà, bà can ngăn thì ông L2 cho rằng bà bệnh người ngoài nên ông L2 cầm kéo rượt bà, may mắn là bà trốn được và bà đã về Tân An sinh sống cho đến nay, còn ông L2 thì vẫn ở ấp C, xã Th. Từ đó đến nay bà gặp lại ông L2 hai lần, lần thứ nhất là vào khoảng cuối năm 2017 ông L2 xuống Tân An tìm bà và gây sự với bà, lần thứ hai (sau khi bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án), ông L2 xuống nơi con gái bà sinh sống và có gặp bà thì ông L2 kêu bà rút đơn ly hôn nhưng bà không đồng ý và ông L2 có nói sẽ không ký tên cho bà ly hôn. Sự việc mâu thuẫn giữa bà và ông L2 thì mẹ ông L2 có biết nhưng không có ý kiến gì và từ đó đến nay gia đình hai bên cũng không nói chuyện hay hòa giải cho hai vợ chồng bà. Nay bà cũng không còn tình cảm với ông L2 nên không thể hàn gắn về chung sống với nhau được nữa.

Trong quá trình chung sống bà và ông L2 có 04 con chung tên Trương Thị Thùy D sinh năm 1990, Trương Thị Cẩm Nh sinh năm 1992, D và Nh đã có gia đình riêng, Trương Lý H1 sinh năm 1994 chưa có gia đình nhưng đã đi làm và tự nuôi sống bản thân, Trương Lý H sinh năm 2002 sống và làm việc chung với bà ở Tân An.

Về nợ chung: Bà đã trả rồi nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung: Bà sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay, bà làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 4.500.000 đồng/tháng, và Lý H cũng đã lớn và cũng biết giúp đỡ bà nên bà đảm bảo sẽ nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu H, không yêu cầu ông L2 cấp dưỡng nuôi con.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời trình bày nêu trên.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nội dung vụ án:

+ Bà L1 và ông L2 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th ngày 29/7/2001, quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, ông L2 hay đánh đập vợ con, bà và ông L2 đã sống ly thân từ tháng 7/2017 đến nay; Bà L1 xác định đã không còn tình cảm với ông L2; Ông L2 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để thể hiện ý kiến của mình cũng như không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân thêm nữa nên yêu cầu ly hôn của bà L1 là có căn cứ.

+ Về con chung: bà L1 và ông L2 có 04 con chung gồm: Trương Thị Thùy D sinh năm 1990, Trương Thị Cẩm Nh sinh năm 1992, D và Nh đã có gia đình riêng, Trương Lý H1 sinh năm 1994; Các con chung D, Nh, H1 đã trưởng thành, bà chỉ yêu cầu nuôi dưỡng Trương Lý H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, Trương Lý H đang sống chung với bà L1 và có nguyện vọng sống chung với bà L1 theo đơn trình bày ngày 18/8/2019 nên yêu cầu của bà L1 là có căn cứ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập đến.

Từ các phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà L1; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà L1 yêu cầu ly hôn với ông L2 và yêu cầu nuôi con chung, ông L2 có nơi cư trú tại ấp C, xã Th, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông L2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông L2 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của bà L1 và ông L2 là hôn nhân hợp pháp được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th vào năm 2001 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Bà L1 xác định vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 01 năm thì mâu thuẫn kéo dài đến nay mà nguyên nhân chính là do ông L2 không lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu rồi có hành vi bạo lực, đánh đập bà L1, vấn đề này cũng được con gái bà L1 và ông L2 là chị Trương Thị Thùy D xác nhận trong biên bản xác minh lập ngày 09/9/2019; Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng bà L1 và ông L2 đã xảy ra từ nhiều năm nhưng ông bà cũng không thể giải quyết được, đến tháng 8 năm 2019 thì bà L1 và ông L2 không sống chung cho đến nay nên ông bà không thể hiện được quyền và nghĩa vụ của vợ chồng với nhau; Đồng thời, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo, quyết định cho ông L2 nhưng ông L2 không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không liên hệ đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, như vậy ông L2 đã không quan tâm đến việc bà L1 yêu cầu ly hôn, có thái độ bỏ mặc tình trạng hôn nhân cho bà L1 tự định đoạt. Tại phiên tòa bà L1 cũng xác định đã không còn tình cảm với ông L2 và kiên quyết yêu cầu được ly hôn.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà L1 và ông L2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung tên Thùy D, Cẩm Nh, Lý H1 đều đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu, bà chỉ yêu cầu nuôi con chung tên Lý H sinh ngày 15/10/2002, xét thấy con chung Trương Lý H đang sinh sống và cùng làm việc với bà L1 tại thành phố T, tỉnh Long An; Con chung Trương Lý H có nguyện vọng được ở với mẹ, bà L1 có việc làm ổn định và mức thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông L2 không có yêu cầu nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà L1, giao con chung Trương Lý H cho bà L1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Bà L1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Ông L2 có quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà L1 không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này còn ông L2 cũng không có ý kiến hay tranh chấp vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn của bà L1.

[6] Về án phí: Do bà L1 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và bà L1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị L1.

Về hôn nhân: Bà Hồ Thị L1 được ly hôn với ông Trương Thanh L2.

Về con chung: Giao con chung tên Trương Lý H (nam), sinh ngày 15/10/2002 cho bà Hồ Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Hồ Thị L1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về án phí: Bà Hồ Thị L1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L1 đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng ngày 26/7/2019 theo biên lai thu tiền số 0004528 sang tiền án phí.

Báo cho bà L1 biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông L2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Hưng;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu

